

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày 09-6-2021

“V/v không công nhận quan hệ vợ
chồng và tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đoàn Công Tài

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hiền

Ông Nguyễn Xuân Thù

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Hòa – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đăk R’Lấp, tỉnh Đăk Nông .

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đăk R’Lấp tham gia phiên toà:
Ông Phan Minh Tuấn - Kiểm Sát viên.

Hôm nay, ngày 09 tháng 6 năm 2021 tại phòng xử án, Toà án nhân dân huyện Đăk R’Lấp, tỉnh Đăk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 101/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20-5-2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị H, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Thôn A, xã W, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Bị đơn: anh B, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

(Các đương sự đều có đơn đề nghị xét vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị H trình bày: Chị H với anh B sống chung với nhau từ năm 2000 cho đến nay là trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong thời gian chung sống tôi và anh B sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp, vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, vợ chồng không có sự tôn trọng nhau, tôi với anh B đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Nay tôi cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được. Nay

chị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H với anh B.

Về con chung: chị H với anh B sinh được 02 người con chung gồm: T, sinh ngày 03-01-2002 và Đ, sinh ngày 19-8-2004. Đối với T, sinh ngày 03-01-2002 đã đủ tuổi trưởng thành và không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu giải quyết; Đối với Đ, sinh ngày 19/8/2004 hiện đang ở cùng với chị H tại thôn A, xã W, huyện Đ và đang học.

Nguyên vọng của chị H là xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đ, sinh ngày 19-8-2004 đến tuổi trưởng thành. Không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung, nợ riêng: Không có

- Trong quá trình giải quyết vụ án anh B trình bày: Anh B với chị H sống chung với nhau từ năm 2000 cho đến nay là trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong thời gian chung sống anh B với chị H sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp, vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, không có sự tôn trọng nhau, anh B với chị H đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Nay anh B cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được. Nay chị H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H với anh B thì anh B đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

Về con chung: Anh B với chị H sinh được 02 người con chung gồm: T, sinh ngày 03-01-2002 và Đ, sinh ngày 19-8-2004. Đối với T, sinh ngày 03-01-2002 đã đủ tuổi trưởng thành và không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu giải quyết. Đối với Đ, sinh ngày 19-8-2004 hiện đang ở cùng với chị H tại thôn A, xã W, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và đang học. Nguyên vọng của anh B là để cháu Đ, sinh ngày 19-8-2004 cho chị H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành

Về tài sản chung: anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung, nợ riêng: Không có

- Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chị H với anh B sống chung với nhau từ năm 2000 cho đến nay là trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong thời gian chung sống tôi và anh B sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp, vợ chồng thường xảy ra

cãi nhau, vợ chồng không có sự tôn trọng nhau, tôi với anh B đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Về con chung Chị H với anh B sinh được 02 người con chung gồm: T, sinh ngày 03-01-2002 và Đ, sinh ngày 19-8-2004. Đối với T, sinh ngày 03-01-2002 đã đủ tuổi trưởng thành và không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu giải quyết. Đối với Đ, sinh ngày 19-8-2004 hiện đang ở cùng với chị H tại thôn A, xã W, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ. Quá trình giải quyết chị H với anh B đã thỏa thuận được là chị H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đ đến tuổi trưởng thành và đều đề nghị Tòa án ghi nhận vào bản án.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H với anh B. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H với anh B; về con chung: Giao con chung là Đ, sinh ngày 19-8-2004 cho chị H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: chị H là nguyên đơn và anh B là bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H với anh B sống chung với nhau từ năm 2000 cho đến nay là trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong thời gian chung sống tôi và anh B sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp, vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, vợ chồng không có sự tôn trọng nhau, tôi với anh B đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay nên chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa chị với anh B là vợ chồng.

Xét yêu cầu của chị H, Hội đồng xét xử nhận định: Mặc dù sống với nhau kể từ năm 2000 cho đến nay, chị H và anh B có đủ điều kiện đi đăng ký kết hôn nhưng anh, chị vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định; điểm b mục 3 Nghị Quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình, cụ thể: Nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng từ ngày 03-01-1987 đến ngày 01-01-2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm kể từ ngày 01-01-2001 đến ngày 01-01-2003. Từ sau ngày 01-01-2003 mà họ không đi đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng. Tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân

và gia đình năm 2014 quy định “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của luật này*”. Như vậy, yêu cầu của chị H là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3]. Về con chung: chị H với anh B sinh được 02 người con chung gồm: T, sinh ngày 03-01-2002 và Đ, sinh ngày 19-8-2004. Đối với T, sinh ngày 03-01-2002 đã đủ tuổi trưởng thành và không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu giải quyết; Đối với Đ, sinh ngày 19-8-2004 hiện đang ở cùng với chị H tại thôn A, xã W, huyện Đ, trong quá trình giải quyết vụ án chị H và anh B đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung và nguyện vọng của cháu Đ là muốn được ở cùng với mẹ nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của chị H với anh B, giao cháu Đ, sinh ngày 19-8-2004 cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[4]. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị H không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[6]. Về tài sản chung: chị H với anh B đều không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[7]. Về nợ chung: chị H với anh B đều xác định không có.

[8]. Về án phí: chị H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H với anh B.
 - Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H với anh B.
 - Về con chung: Giao cháu Đ, sinh ngày 19-8-2004 cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị H không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Tài sản chung: chị H với anh B đều không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: chị H với anh Đ đều xác định không có.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị H phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004715 ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Công Tài